

Bản án số: 84/2023/HS-ST
Ngày: 28-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Phi Long, bà Đàm Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trung Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 (và thông báo thay đổi lịch xét xử) đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vương Xuân H (số CCCD 030083000103); sinh ngày 14/4/1983, tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: tổ B, phường M, quận C, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; nghề nghiệp: lái xe ô tô; con ông Vương Xuân T và bà Vũ Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị Thanh N và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/10/2022, có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Văn T1 (số CCCD 022085004426); sinh ngày 10/ 7/1985, tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: số nhà I T, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Phạm Đức D và bà Nguyễn Thị T2; không có vợ (vì đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/10/2022, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T1: Luật sư Tô Năng N1 – Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh Q, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh N; sinh năm 1989 (ĐT 0978323489) địa chỉ: số A ngõ V, Tổ B, phường M, quận C, thành phố Hà Nội (vợ bị cáo H), có mặt.

+ Anh Phạm Đức Q; sinh năm 1983 (anh ruột bị cáo T1); nơi cư trú: số nhà I,T, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 22/10/2022, Vương Xuân H được Vũ Đình T3 (sinh năm 1991, nơi cư trú: Khu Đ, phường K, thành phố B) gọi điện thoại qua Z thuê đón 06 người Trung Quốc từ Trạm thu phí đường cao tốc đoạn qua huyện H, tỉnh Quảng Ninh về M, Hà Nội với tiền công là 1.000.000 đồng/1 người, H đồng ý. Mặc dù biết thời điểm này cả Trung Quốc và Việt Nam đều chưa mở cửa khẩu cho người xuất, nhập cảnh nhưng do tiền công cao, H vẫn đồng ý chở. Trên đường đi, T3 nhắn tin cho H số điện thoại 0763376245 để liên lạc đón chờ người Trung Quốc. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander BKS 30F – 879.13 đến Trạm thu phí H3, thì có người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại từ số máy điện thoại nêu trên hướng dẫn H đỗ xe tại đoạn đường dẫn từ huyện H qua T4 để chờ đón người.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa còn xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/10/2022, tại huyện H, Phạm Văn T1 lái xe ô tô 7 chỗ màu ghi xám, nhãn hiệu Ford Everest BKS 14A – 712.00 (*chiếc xe này T1 mượn của anh trai là Phạm Đức Q để đi chơi*) chở bạn là Nguyễn Đức Q1 đi uống cà phê tại quán C ở thị trấn Q thì gặp Nguyễn Văn H2 đến cùng ngồi uống cà phê. H2 nói chuyện riêng với T1 rủ đi chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép để kiếm tiền, được T1 đồng ý. Sau đó T1 chở Q1 về nhà, rồi quay lại đón H2 sau đó cùng đi đến khu vực bờ biển T, T. H2 xuống bờ biển đón 11 người Trung Quốc đi thuyền đến từ trước, đưa đến xe ô tô. T1 xuống xe mở cửa đưa người Trung Quốc xếp lên xe, do đông người nên những người này phải ngồi chồng lên nhau, một người ngồi trong cốp xe. Theo sự chỉ đạo của H2, T1 lái xe chở H2 và 11 người Trung Quốc đi theo đường cao tốc. Khoảng 00 giờ ngày 23/10/2022, xe đến khu vực Trạm thu phí huyện H3. H2 bảo T1 điều khiển xe đi qua Trạm thu phí rẽ xuống đường dẫn lên cao tốc khoảng 100m thì thấy xe ô tô 07 chỗ màu trắng loại Xpander, BKS 30F – 879.13 do Vương Xuân H điều khiển đỗ chờ. T1 điều khiển xe ô tô của mình đi đến, đỗ ngang xe của H. Sau đó H2 nhảy xuống mở cửa cho 11 người Trung Quốc chuyển sang xe H. H2 nói với H: “đông lắm, cố chở đi, cẩn thận bị bắt”, rồi lên xe của T1 bảo chạy đi luôn.

Đối với Nguyễn Văn H2 hiện đang bỏ trốn, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q đã ra Quyết định truy nã và tách vụ án, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với 11 đối tượng người Trung Quốc có hành vi nhập cảnh trái phép nhưng chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này nên không phạm tội: “*Vi phạm quy định về xuất cảnh*” quy định tại Điều 347 của Bộ luật hình sự. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q đã bàn giao các đối tượng này cho Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng Vũ Đình T3 hiện đang vắng mặt tại địa phương Cơ quan An ninh Công an tỉnh Q tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKSQN-P1 ngày 23/6/2023 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Vương Xuân H, Phạm Văn T1 về tội: "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vương Xuân H, Phạm Văn T1 thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*" là đúng, không oan vì các bị cáo có hành vi chở 11 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Lời khai của bị cáo tại cơ quan Công an là chính xác, khách quan.

Người liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh N có ý kiến: việc chồng chị chở người Trung Quốc thế nào chị không biết. Chiếc xe ô tô loại Xpander, BKS 30F – 879.13 là tài sản chung của hai vợ chồng chị, nay chị đề nghị trả lại ô tô cho chị.

Anh Phạm Đức Q có ý kiến: việc em trai anh là Phạm Văn T1 phạm tội thế nào? Lúc đầu anh không biết, sau này anh mới biết. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest BKS 14A – 712.00 là của anh cho T1 mượn để đi chơi, không cho mượn để chở người Trung Quốc, anh đề nghị trả lại xe ô tô cho anh.

Quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*" là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Vương Xuân H từ 5 đến 6 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 4 đến 5 năm tù. Xử lý án phí, trả lại xe ô tô Ford Everest BKS 14A – 712.00 cho anh Phạm Đức Q. Tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander BKS 30F – 879.13. Trả lại chị N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander BKS 30F – 879.13. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T1: về tội danh, điều luật Viện kiểm sát áp dụng để truy tố bị cáo Luật sư nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát. Về hình phạt đề nghị Tòa án xem xét bị cáo T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tham gia với vai trò giúp sức, nhận thức hạn chế, gia đình có công với cách mạng; sức khỏe yếu, lần đầu phạm tội. Nên đề nghị xử phạt bị cáo từ 3 đến 4 năm tù.

Hai bị cáo, người liên quan không tranh luận với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, vì lời khai của bị cáo này là chứng cứ chứng minh cho hành vi của bị cáo kia. Lời khai của người liên quan (*những người Trung Quốc*), nhân chứng, kết quả nhận dạng, kết quả xác minh, sao kê tài khoản, vật chứng, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, thực nghiệm điều tra, dữ liệu điện tử và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: theo quy định của Điều 3, Điều 5, Điều 20 Luật xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam thì người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh vào Việt Nam đều phải làm thủ tục tại cửa khẩu. Nhưng trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 22/10/2022 đến 01 giờ 30 phút ngày 23/10/2022, vì vụ lợi Phạm Văn T1 và Vương Xuân H đã giúp sức cho Vũ Đình T3 tổ chức cho 11 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Hành vi của hai bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý trong công tác xuất nhập cảnh của nhà nước Việt Nam, nên các bị cáo đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo với tình tiết định khung “*Đối với 11 người trở lên*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự là đúng vì hai bị cáo tổ chức cho 11 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: hai bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tham gia với vai trò giúp sức cho Vũ Đình T3, chưa được hưởng lợi gì. Gia đình bị cáo T1 có công với cách mạng.

[5] Về vật chứng: quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo Vương Xuân H 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander màu trắng, BKS 30F – 879.13, kèm theo đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định và giấy phép lái xe mang tên Vương Xuân H, 01 điện thoại di động loại Samsung Galaxy S10 màu xám và 01 điện thoại di động loại iPhone 12 Promax đều đã qua sử dụng.

Tạm giữ của bị cáo Phạm Văn T1 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, màu ghi xám, BKS 14A – 712.00, kèm theo 01 giấy đăng ký xe, mang tên chủ xe là Phạm Đức Q; 01 điện thoại di động loại iPhone 7 có ốp lưng màu đen, mặt trước màu trắng; 01 áo phông; 01 quần bò và 01 túi cát.

Đối với chiếc ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander màu trắng, BKS 30F – 879.13 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo H. Bị cáo H đã dùng chiếc ô tô này vào việc phạm tội. Vợ bị cáo không biết gì về việc bị cáo H dùng vào việc phạm tội, nên theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự thì sẽ tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe (*là phần tài sản của H*). Còn $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe sẽ trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh N (vợ bị cáo H). Đối với các giấy tờ liên quan đến chiếc xe này thì sau khi cơ quan thi hành án xử lý chiếc xe (*ví dụ như bán cho ai, hoặc giao cho chị N sở hữu, chị N phải nộp $\frac{1}{2}$ giá trị xe để sung ngân sách.....*) thì giao cho người được sở hữu xe.

Đối với chiếc ô tô nhãn hiệu Ford Everest, màu ghi xám, BKS 14A – 712.00 là của anh Phạm Đức Q cho bị cáo T1 mượn đi chơi. Anh Q không liên quan gì đến việc phạm tội của T1, nên trả lại anh Q.

Đối với điện thoại là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; 01 áo phông; 01 quần bò và 01 túi cát không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Vương Xuân H và bị cáo Phạm Văn T1 đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vương Xuân H 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 04 (B) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

- Về vật chứng: căn cứ Điều 47 BLHS.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 điện thoại di động;

+ Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, Xpander màu trắng, BKS 30F – 879.13, số máy 4A91GX6952, số khung MK2XRNC1WKN043999 cho chị Nguyễn Thị Thanh N (vợ bị cáo H);

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, Xpander màu trắng, BKS 30F – 879.13, số máy 4A91GX6952, số khung MK2XRNC1WKN043999.

Đối với giấy đăng ký xe ô tô số 29290531, giấy chứng nhận kiểm định của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi, Xpander màu trắng, BKS 30F – 879.13 thì sau khi làm các thủ tục thi hành án xong sẽ giao cho người nào được sở hữu chiếc xe này.

+ Trả lại anh Phạm Đức Q chiếc ô tô nhãn hiệu Ford Everest, màu ghi xám, BKS 14A – 712.00 + 01 chìa khóa xe, kèm theo 01 giấy đăng ký chứng nhận xe ô tô BKS 14A – 712.00 mang tên chủ xe là Phạm Đức Q.

+ Trả lại bị cáo Vương Xuân H 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Vương Xuân H.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông; 01 quần bò; 01 túi cát và các sim điện thoại.

Tình trạng vật chứng, như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 95 ngày 28-6-2023 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh với Công an tỉnh Q.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Quảng Ninh;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường